

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HS-ST

Ngày : 05 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Thẩm phán: Ông Thái Văn Chấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Minh Châu;
2. Ông Nguyễn Thanh Khiết;
3. Ông Đỗ Nguyễn Văn Duy Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Hồng Ngân và bà Lê Ngọc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

1. Ông Phạm Hải Càng - Kiểm sát viên;
2. Bà Trịnh Thị Mỹ Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2020, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 02/2020/TB-XX ngày 18 tháng 3 năm 2020, Thông báo tạm dừng mở phiên tòa số: 04/2020/TB-XX ngày 31 tháng 3 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 05/2020/TB-TA ngày 17 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 1982; nơi sinh: huyện T, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1952 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1952; anh, chị, em ruột có 06 người, bị cáo là người thứ sáu; có chồng Nguyễn Đăng K, sinh năm 1981 và 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: chưa; nhân thân:

từ nhỏ sống chung cha mẹ, học hết lớp 12. Từ năm 2001 đến năm 2003, học tại Trường Cao đẳng nghề An Giang. Tháng 10/2006, được tuyển dụng và bổ nhiệm làm kế toán tại Trường THPT M (nay là Trường THPT N). Ngày 19/5/2017, bị Trường THPT Nguyễn Công T ra Quyết định kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc kể từ ngày 01/6/2017 với lý do tự ý nghỉ việc quá số ngày quy định.

Bị tạm giam từ ngày 06/5/2019 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Tường V:*

+ Bà Đỗ Hồng Thụy V, luật sư Công ty Luật TNHH MTV Đỗ V thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; (có mặt)

+ Bà Nguyễn Minh L, luật sư Văn phòng luật sư M thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- *Bị hại: Trường Trung học phổ thông Nguyễn Công T.*

Đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Lê Lâm Mỹ N, sinh năm 1980, chức vụ: Phó hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Công T, nơi cư trú: khóm Đông Phú, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy đề cử ngày 14/11/2017 của Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Công T) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1956; (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt)

Chỗ ở hiện nay: khóm 5, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang;

+ Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1981; (có mặt)

Chỗ ở hiện nay: khóm 5, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang;

Nơi công tác: Trường THPT Nguyễn Công T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang;

+ Bà Đinh Thị Xuân T, sinh năm 1982; (có mặt)

Chỗ ở hiện nay: khóm P, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang;

+ Bà Nguyễn Thị Thái C, sinh năm 1976; (có mặt)

Chỗ ở hiện nay: khóm 3, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang;

+ Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1981; (có mặt)

Chỗ ở hiện nay: ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang;

- *Người làm chứng:*

+ Ông Lê Hồng N; (có mặt)

+ Bà Cao Bích V; (có mặt)

+ Ông Dương Nguyễn Thành A; (có mặt)

- + Ông Lê Thanh P; (có mặt)
- + Bà Phạm Mỹ T; (vắng mặt)
- + Bà Dương Thị Tố N; (vắng mặt)
- + Ông Trần Văn H; (có mặt)
- + Ông Dương Văn C (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường Trung học phổ thông (THPT) Mỹ Thuận thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang được thành lập năm 1992, đến năm 2015 đổi tên thành Trường THPT Nguyễn Công T theo Quyết định số 1497/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang và thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính... theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập (viết tắt Nghị định 43).

Nguồn ngân sách của Trường được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang phân bổ theo dự toán hàng năm được quản lý sử dụng bằng hình thức thanh toán song phương điện tử thông qua tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh An Giang (viết tắt BIDV An Giang) để chuyển cho đơn vị khi có lệnh thanh toán. Trường còn được giao quản lý nguồn thu học phí, dạy thêm và dịch vụ. Trong đó, học phí thực hiện theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và nộp vào tài khoản tiền gửi mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang; nguồn thu dạy thêm, dịch vụ (cho thuê căn tin, bãi giữ xe) được quản lý bằng tiền mặt để chi cho giáo viên giảng dạy, sửa chữa cơ sở vật chất, phúc lợi xã hội, trợ cấp tiền lễ, tết cho giáo viên cuối năm theo Công văn số 430/UBND-TH ngày 15/02/2012 và Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 21/02/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định về học thêm, dạy thêm, cho thuê mặt bằng trường học trên địa bàn tỉnh An Giang. Định kỳ hai quý, Trường báo cáo kèm theo sổ sách, chứng từ có liên quan đến 4 nguồn kinh phí nêu trên về Sở Giáo dục để thẩm định theo quy định.

Nguyễn Thị Tường V là kế toán của Trường THPT Nguyễn Công T có nhiệm vụ lập chứng từ quyết toán thu, chi tham mưu cho Ban Giám hiệu trong việc quản lý các nguồn thu, chi và quyết toán theo quy định. Từ năm 2015 đến tháng 10/2016, để có tiền trả nợ cho Nguyễn Đăng K (chồng của V), V tự ý giữ lại nguồn thu, giả chữ ký Nguyễn Văn H (Hiệu trưởng giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 3/2016) và Nguyễn Phước H (Hiệu trưởng giai đoạn tháng 3/2016 đến tháng 10/2016) đăng ký mẫu chữ ký chủ tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang

và BIDV An Giang, rồi giả chữ ký chủ tài khoản trên giấy rút dự toán và chứng từ giao dịch (ủy nhiệm chi, séc) chiếm đoạt tiền của Trường THPT Nguyễn Công T. Để rút tiền trong tài khoản Trường tại BIDV An Giang không bị phát hiện, V đã lập chứng từ theo quy định trình Hiệu trưởng ký để biết V có thực hiện quyết toán cho đơn vị. Sau đó, V hủy bỏ chứng từ, rồi làm lại thủ tục khác, giả chữ ký chủ tài khoản để lập thủ tục thanh, quyết toán. Khi được Kho bạc duyệt chuyển tiền vào tài khoản Trường tại BIDV An Giang, thì V giả chữ ký chủ tài khoản trên chứng từ ủy nhiệm chi, séc và bảng thanh toán lương có nâng khống số tiền được hưởng để chuyển tiền vào tài khoản cá nhân hoặc rút tiền mặt. Với thủ đoạn trên, V chiếm đoạt tiền của Trường THPT Nguyễn Công T như sau:

- Lợi dụng việc thủ quỹ Nguyễn Thị Thái C cho giáo viên Đinh Thị Xuân T tạm ứng 22.000.000 đồng tiền chế độ thai sản từ quỹ tiền mặt dạy thêm, dịch vụ. Từ ngày 07/01/2015 đến ngày 15/01/2015, Vi làm thủ tục quyết toán được Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố Long Xuyên duyệt với số tiền 26.146.400 đồng chuyển vào tài khoản của Trường tại BIDV An Giang, sau đó V giả chữ ký H lập 01 ủy nhiệm chi với số tiền 34.525.500 đồng chuyển từ tài khoản của Trường tại BIDV An Giang vào tài khoản cá nhân của Vi và lập 02 séc để rút tiền mặt với số tiền 19.000.000 đồng, tổng cộng 53.525.500 đồng để chi chế độ thai sản cho T và trả tiền vay tín chấp cho giáo viên, nhưng V chỉ thực chi trả tiền vay tín chấp cho giáo viên với số tiền 27.379.100 đồng, còn lại 26.146.400 đồng tiền quyết toán chế độ thai sản của T, V chiếm đoạt mà không nhập quỹ để chi trả theo quy định.

- Ngày 25/5/2015, H chỉ đạo cho C tạm ứng trước 15.318.000 đồng từ quỹ tiền mặt dạy thêm và dịch vụ để chi tiền phụ cấp cho 08 người làm công tác đảng, khi đó V lập giấy rút dự toán, giả chữ ký của H cùng danh sách kèm theo gửi kho bạc được quyết toán chuyển số tiền trên vào tài khoản Trường tại BIDV An Giang. Ngày 26/5/2015, V tiếp tục giả chữ ký của H lập 01 séc rút tiền mặt trong tài khoản Trường tại BIDV An Giang số tiền 15.500.000 đồng để chi tiền phụ cấp đảng và truy lãnh phụ cấp cho giáo viên, nhưng V thực chi truy lãnh phụ cấp cho giáo viên 182.000 đồng, còn lại 15.318.000 đồng V chiếm đoạt không trả lại cho đơn vị.

- Sau khi thực hiện việc giả chữ ký của H trên chứng từ quyết toán lương, được Kho bạc duyệt chuyển tiền vào tài khoản của Trường tại BIDV An Giang, từ ngày 27/01/2016 đến ngày 29/02/2016, V giả chữ ký của H lập 04 séc rút tiền mặt với số tiền 140.000.000 đồng, lập 04 ủy nhiệm chi chuyển từ tài khoản Trường vào tài khoản của V với số tiền 95.381.325 đồng, tổng cộng 235.381.325 đồng để chi cho hoạt động trường, nhưng V chỉ thực chi 70.681.664 đồng tiền vay tín chấp cho giáo viên; còn lại 164.699.661 đồng V chiếm đoạt.

- Ngày 03/02/2016, C đưa V 124.000.000 đồng tiền mặt từ nguồn dạy thêm và dịch vụ để nộp vào tài khoản Trường nhằm chi tiền tết cho giáo viên qua tài khoản ATM, nhưng V không nộp mà chiếm đoạt. Sau đó, V sử dụng tiền lương tăng thêm đã được quyết toán với số tiền 408.193.269 đồng để chi tiền tết cho giáo viên 124.000.000 đồng, rồi tiếp tục sử dụng quyết toán lương tháng 3/2016 để chi tiền lương tăng thêm dẫn đến thâm hụt lương tháng 3/2016. Ngoài ra, V còn giả

chữ ký của H trên danh sách chi tiền và nâng không số tiền V được hưởng chế độ lương tăng để chiếm đoạt 30.000.000 đồng chuyển vào tài khoản cá nhân.

- Tháng 3/2016, H thôi việc theo chế độ và Nguyễn Phước H được bổ nhiệm giữ chức vụ quyền Hiệu trưởng. Khi đó, để có tiền chi lương tháng 3/2016 cho giáo viên V nói dối với H thủ tục quyết toán lương bị sai và xin ứng quỹ tiền mặt chi cho giáo viên. Tin thật, H chỉ đạo cho C lấy 360.000.000 đồng từ quỹ dạy thêm nộp vào tài khoản Trường tại BIDV An Giang để V lập danh sách chi lương tháng 3/2016 qua tài khoản ATM cho giáo viên. Cũng trong tháng 3/2016, H được nghỉ theo chế độ thôi việc và nhiều lần tạm ứng quỹ tiền mặt dạy thêm với số tiền 200.000.000 đồng, khi lập quyết toán chế độ thôi việc cho H được hưởng với số tiền 208.899.915 đồng thì V giả chữ ký của H gửi Kho bạc, được duyệt chuyển số tiền trên vào tài khoản Trường tại BIDV An Giang. Từ ngày 31/3/2016 đến ngày 24/10/2016 V đã giả chữ ký của H lập 13 ủy nhiệm chi chuyển từ tài khoản của Trường vào tài khoản của V với số tiền 350.304.923 đồng, V thực chi 211.973.930 đồng trả tiền vay tín chấp của giáo viên, còn lại 138.330.993 đồng chiếm đoạt, V không thực hiện việc chi tiền chế độ thôi việc cho H.

- Ngoài ra từ tháng 3/2016 đến tháng 7/2016, V còn giả chữ ký của H nâng không danh sách chế độ tiền lương của V được hưởng để chiếm đoạt số tiền 134.882.869 đồng chuyển vào tài khoản cá nhân.

Tổng cộng V chiếm đoạt 633.377.923 đồng, trước khi sự việc bị phát hiện V đã nộp trả tiền mặt 40.800.000 đồng vào tài khoản Trường, còn lại 592.577.923 đồng V chiếm đoạt tiêu xài cá nhân và trả nợ thay cho chồng.

Quá trình điều tra còn xác định: Từ năm 2015 đến năm 2016, V không thực hiện đúng nguyên tắc tài chính kế toán, không kiểm tra thu, nhập quỹ theo quy định gây thất thoát số tiền 200.990.000 đồng của Trường THPT Nguyễn Công T, trong đó thất thoát tiền thu học phí khối 12 là 172.590.000 đồng, tiền chi chế độ cho giáo viên 28.400.000 đồng; C quản lý quỹ tiền mặt làm thất thoát 9.011.346 đồng. Ngoài ra, V còn lập nhiều chứng từ quyết toán, giao dịch (ủy nhiệm chi, séc) giả chữ ký chủ tài khoản để quyết toán chuyển tiền vào tài khoản cá nhân hoặc rút tiền mặt, tuy nhiên số tiền quyết toán đúng quy định và được sử dụng chi cho hoạt động đơn vị, V không có chiếm đoạt.

Ngày 20/12/2016, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang kiểm tra phát hiện hành vi phạm tội của V và có văn bản kiến nghị khởi tố. Ngày 02/5/2019, V bị khởi tố điều tra.

* *Vật chứng thu giữ*: Trong quá trình điều tra, Nguyễn Thị Tường V cùng gia đình đã giao nộp 811.354.315 đồng để khắc phục hậu quả; Nguyễn Thị Thái C tự nguyện giao nộp 9.200.000 đồng để bù đắp khoản thất thoát quỹ tiền mặt; Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 CPU, 01 máy vi tính xách tay và các tài liệu, chứng từ có liên quan đến hành vi phạm tội của V để xử lý.

* Theo các Kết luận giám định số 03 ngày 22/3/2019; số 14 ngày 09/4/2019; số 29 ngày 10/6/2019; số 46 ngày 15/7/2019; số 93 ngày 15/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, kết luận:

Các chữ ký mang tên Nguyễn Văn H, Nguyễn Phước H trên các tài liệu cần giám định (45 séc; 71 ủy nhiệm chi; giấy đăng ký mở tài khoản và mẫu dấu, chữ ký; giấy đề nghị thay đổi mẫu dấu, mẫu chữ ký; đề nghị kiêm hợp đồng đăng ký thông tin khách hàng và dịch vụ tài khoản; các giấy rút dự toán, bảng kê chứng từ thanh toán; bảng thanh toán tiền lương; danh sách chi trả lương; tờ thanh toán phụ cấp trách nhiệm, bảng thanh toán phụ cấp nhân viên văn phòng; bảng chi trả trợ cấp thôi việc) xác định chữ ký mang tên Nguyễn Văn H, Nguyễn Phước H là do Nguyễn Thị Tường V ký ra.

* Lời khai của đại diện đơn vị bị thiệt hại là bà Lê Lâm Mỹ N (Phó Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Công T), cho biết:

Yêu cầu được nhận lại số tiền mà V đã giao nộp để khắc phục hậu quả và xin giảm nhẹ hình phạt cho V.

* Lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Phước H (nguyên Hiệu trưởng, Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Công T), trình bày: Do tin tưởng cấp dưới, đã thiếu kiểm tra quản lý tài chính để V giả chữ ký chủ tài khoản trên chứng từ quyết toán, giao dịch chiếm đoạt tiền của Trường THPT Nguyễn Công T như nội dung vụ án đã nêu. Riêng H trước khi thôi việc theo chế độ đã nhiều lần tạm ứng quỹ tiền mặt của Trường THPT Nguyễn Công T với số tiền 200.000.000 đồng, H chưa được chi trả tiền quyết toán chế độ thôi việc theo quy định để trả lại tiền tạm ứng của đơn vị.

- Bà Nguyễn Thị Thái C, trình bày: Được phân công làm thủ quỹ Trường THPT Nguyễn Công T, C không mở sổ tiền mặt theo quy định, thu học phí để ngoài sổ, chi tiền không có phiếu chi, quản lý tiền mặt không chặt chẽ, không vào sổ sổ tiền đã chi dẫn đến thất thoát nguồn quỹ của đơn vị và tự nguyện giao nộp 9.200.000 đồng như nội dung vụ án. Riêng số tiền 124.000.000 đồng Chân lấy từ nguồn quỹ dạy thêm và dịch vụ đưa cho V nộp vào tài khoản Trường để chi tết cho giáo viên qua tài khoản ATM, C không biết V chiếm đoạt số tiền trên.

- Ông Nguyễn Đăng K (chồng của Nguyễn Thị Tường V), trình bày: Trong năm 2014 và năm 2015, K thi công các công trình xây dựng bị thua lỗ và nợ lương nhân công lao động, khi đó Vi có trả nợ thay cho K với số tiền từ 200.000.000 đồng đến khoảng 300.000.000 đồng. K không biết Vi chiếm đoạt tiền của Trường THPT Nguyễn Công T và đã khắc phục hậu quả cho Vi.

- Bà Cao Bích V (kế toán Kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang), ông Lê Hồng N (Phó Trưởng phòng giao dịch khách hàng BIDV An Giang) trình bày: Trường THPT Nguyễn Công T đăng ký thay đổi con dấu, mẫu chữ ký chủ tài khoản tại Kho bạc và BIDV An Giang để thực hiện hiện quyết toán, giao dịch theo đúng quy định; cán bộ Kho bạc và BIDV An Giang không biết V giả chữ ký chủ tài khoản để thực hiện quyết toán, giao dịch chiếm đoạt tiền của Trường THPT Nguyễn Công T.

- Bà Đinh Thị Xuân T (giáo viên Trường THPT Nguyễn Công T) trình bày: Có tạm ứng tiền chế độ thai sản 22.000.000 đồng từ quỹ tiền mặt của đơn vị như nội dung vụ án đã nêu.

* Quá trình điều tra, bị can Nguyễn Thị Tường V thừa nhận hành vi phạm tội và khắc phục hậu quả như nội dung vụ án đã nêu.

Tại Cáo trạng số 61/CT-VKSAG-P3 ngày 28/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Tường V về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bản thân bị cáo cũng như việc bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện nộp số tiền 811.354.315 đồng để khắc phục toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt 592.577.923 đồng và tự nguyện bồi thường số tiền 200.990.000 đồng gây thất thoát nguồn quỹ của Trường THPT Nguyễn Công T. Nay bị cáo đã nhận thấy sai phạm của mình nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình, xã hội.

- Bị hại Trường THPT Nguyễn Công T do bà N đại diện có ý kiến: Xin được nhận lại số tiền bị cáo V đã nộp khắc phục đối với số tiền chiếm đoạt 592.577.923 đồng và tự nguyện bồi thường số tiền 200.990.000 đồng gây thất thoát cho đơn vị, cũng như số tiền 9.011.346 đồng bà C đã tự nguyện nộp khắc phục phần chênh lệch tiền kiểm kê quỹ đơn vị. Đại diện bị hại bà xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với trường hợp bà Đinh Thị Xuân T và ông Nguyễn Văn H đã tạm ứng tiền của đơn vị, hiện còn chênh lệch số tiền được hưởng theo quyết toán đúng số tiền hưởng chế độ quy định, đơn vị sẽ tự chịu trách nhiệm thanh toán với bà T, ông H.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H, bà C, ông K, bà T đều có ý kiến trình bày giống giai đoạn điều tra. Riêng bà C xác định bà tự nguyện chịu trách nhiệm khắc phục bồi thường cho Trường THPT Nguyễn Công T số tiền 9.011.346 đồng chênh lệch kiểm kê tiền quỹ đơn vị.

- Người làm chứng ông N, bà V, ông A, ông P, ông H, ông C trình bày ý kiến: vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại giai đoạn điều tra.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng;

Bị cáo Nguyễn Thị Tường V đã khai nhận hành vi lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao, đã giả chữ ký chủ tài khoản để đăng ký mẫu chữ ký tại Kho bạc,

BIDV An Giang, từ đó giả chữ ký trên chứng từ quyết toán, giao dịch chuyển khoản, rút tiền mặt nhiều lần chiếm đoạt số tiền 592.577.923 đồng của Trường THPT Nguyễn Công T để tiêu xài cá nhân và trả nợ cho gia đình, cụ thể đã lập thủ tục đúng quy định trình cho chủ tài khoản ký tên nhưng sau đó hủy mẫu đăng ký chữ ký, chứng từ và lập chứng từ ký giả chữ ký của chủ tài khoản. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp lời khai của đại diện hợp pháp bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, các bản kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, khẳng định Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình gây ra;

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của nhà nước mà còn ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến uy tín, lòng tin của người dân đối với ngành giáo dục. Do đó cần phải có mức án nghiêm đối với bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt và răn đe, phòng ngừa chung;

Bị cáo đã chiếm đoạt tiền nhiều lần và mỗi lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần”. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả, đại diện hợp pháp bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, quá trình công tác tại Trường bị cáo đều hoàn thành nhiệm vụ và được địa phương khen tặng giấy khen có đóng góp hoạt động từ thiện để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52 ; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 09 năm tù về tội "Tham ô tài sản"; hình phạt bổ sung: cấm đảm nhận chức vụ kế toán từ 03 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù;

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho Trường THPT Nguyễn Công T số tiền 793.567.923 đồng đã chiếm đoạt và tiền thất thoát quỹ đơn vị bị cáo tự nguyện khắc phục.

Về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho Trường THPT Nguyễn Công T01 đầu CPU và trả lại cho bị cáo 01 máy tính xách tay do đây là tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo; Tiếp tục quản lý số tiền 811.354.315 đồng của bị cáo nộp khắc phục hậu quả và số tiền 9.200.000 đồng của bà C nộp khắc phục thiệt hại, để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Người bào chữa cho bị cáo luật sư Đỗ Hồng Thụy V có ý kiến: không tranh luận với Kiểm sát viên về điểm, khoản và điều luật áp dụng, chỉ nêu phân tích

nguyên nhân bị cáo phạm tội do sự thiếu quan tâm kiểm tra giám sát của Ban giám hiệu Trường, sự tuyển dụng cán bộ chưa đúng trình độ chuyên môn nghiệp vụ; và đề nghị Hội đồng xét xử có quan tâm xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, hoàn thành nhiệm vụ trong quá trình công tác, tuy hoàn cảnh cũng khó khăn nhưng có tấm lòng thiện nguyện đã có đóng góp những hoạt động từ thiện ở địa phương được UBND và Mặt trận tổ quốc Việt Nam thị trấn P, huyện T khen tặng giấy khen năm 2016, 2017; bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được nộp khắc phục hoàn toàn và còn tự nguyện nộp khắc phục phần thiệt hại thất thoát không bị truy tố với tổng số tiền đã giao nộp 811.354.315 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng xử phạt bị cáo mức thấp nhất khung hình phạt liền kề, cụ thể mức thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ mang tính răn đe, giáo dục bị cáo. Về vật chứng: xem xét cho bị cáo được nhận lại máy tính cá nhân của bị cáo đã giao nộp.

- Kiểm sát viên có ý kiến tranh luận: quan điểm của người bào chữa cho bị cáo cơ bản thống nhất với ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, về mức hình phạt do Hội đồng xét xử quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đối với người tham gia tố tụng:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H có đơn xin vắng mặt ngày 01/5/2020 và những người làm chứng bà Phạm Mỹ T, bà Dương Thị Tố N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, những người làm chứng nêu trên đã trình bày rõ lời khai của họ tại giai đoạn điều tra nên việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đối với người bào chữa cho bị cáo bà Nguyễn Minh L, luật sư của Văn phòng luật sư Minh P thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do và bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt luật sư Nguyễn Minh L. Căn cứ khoản 1 Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Tường V khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người đại diện hợp pháp bị hại Trường THPT Nguyễn Công T, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Phù hợp khách quan với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Kết luận giám định số 03 ngày 22/3/2019; số 14 ngày 09/4/2019; số 29 ngày 10/6/2019; số 46 ngày 15/7/2019; số 93 ngày 15/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang. Có đầy đủ căn cứ xác định:

Bị cáo Nguyễn Thị Tường V đã có hành vi lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao (nhiệm vụ kế toán), đã giả chữ ký chủ tài khoản để đăng ký mẫu chữ ký tại Kho bạc, BIDV An Giang; từ đó giả chữ ký trên chứng từ quyết toán, giao dịch chuyển khoản, rút tiền mặt nhiều lần chiếm đoạt số tiền 592.577.923 đồng của Trường THPT Nguyễn Công T để tiêu xài cá nhân và trả nợ cho gia đình.

Căn cứ vào quy định của pháp luật thì hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Tường V đã phạm tội “Tham ô tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm nào đúng, việc làm nào sai, việc nào nên làm và không nên làm. Bị cáo Nguyễn Thị Tường V được giao nhiệm vụ kế toán của Trường THPT Mỹ T (sau đổi tên Trường THPT Nguyễn Công T) có nhiệm vụ phải theo dõi, quản lý việc thu, chi tiền, lập chứng từ, quyết toán thu chi theo quy định tài chính và hơn ai hết, bị cáo phải biết được trách nhiệm và thực hiện đúng nhiệm vụ được giao đúng quy định, nhưng bị cáo không làm được điều đó. Chỉ vì cần tiền tiêu xài, tiền trả nợ cho chồng, bị cáo lợi dụng chức vụ, quyền hạn dùng thủ đoạn gian dối giả chữ ký chủ tài khoản lúc Trường có quyết định đổi tên từ Trường THPT Mỹ T thành tên Trường THPT Nguyễn Công T (Hiệu trưởng là ông Nguyễn Văn H giai đoạn năm 2015 đến tháng 3/2016) và lúc đổi chủ tài khoản từ ông Nguyễn Văn H sang ông Nguyễn Phước H làm hiệu trưởng (giai đoạn từ tháng 3/2016 đến tháng 12/2016) để đăng ký mẫu chữ ký tại Kho bạc nhà nước tỉnh An Giang, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh An Giang, từ đó giả chữ ký trên chứng từ quyết toán, giao dịch chuyển khoản, rút tiền mặt nhằm chiếm đoạt nhiều lần. Để không bị phát hiện, bị cáo V đã lập chứng từ chi đủ và đúng quy định cho giáo viên

trình cho ông H, ông H ký để biết bị cáo có thực hiện chi. Những chứng từ này bị cáo hủy bỏ không gửi Ngân hàng mà bị cáo giả chữ ký của ông H, ông H để lập chứng từ séc rút tiền mặt và ủy nhiệm chi cùng tiền chênh lệch trong danh sách chi lương chuyển vào tài khoản cá nhân của bị cáo trong một thời gian dài từ năm 2015 đến năm 2016, với tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt 592.577.923 đồng.

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, gây ảnh hưởng đến uy tín và hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức nhà nước, đặc biệt là trong môi trường giáo dục, gây mất lòng tin trong nhân dân và bức xúc trong dư luận xã hội về tình hình tội phạm tham nhũng. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt; đồng thời đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong tình hình hiện nay, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang là có căn cứ, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với số tiền 200.990.000 đồng gồm có chế độ đi học của ông Dương Nguyễn Thành A là 11.400.000 đồng; số tiền 17.000.000 đồng chế độ thẻ dực ngoài trời của học kì 2 năm học 2015-2016 và khoản tiền thu học phí 172.590.000 đồng từ năm 2014 – 2016 bị cáo đã được phân công hỗ trợ thu của học sinh. Bị cáo V xác định không chiếm đoạt, và thực tế ông A xác định đã nhận đủ chế độ đi học; ông Nguyễn Thanh P đại diện tổ thẻ dực cũng xác nhận đã nhận đủ chế độ thẻ dực ngoài trời nhưng không rõ thủ tục quyết toán như thế nào. Đồng thời, không thu được chứng từ quyết toán tại Kho bạc nên không thể hiện việc quyết toán hai lần đối với số tiền trên; còn số tiền học phí không có chứng từ thu. Do đó cơ quan điều tra xác định chưa đủ căn cứ để khởi tố đối với bị cáo V về số tiền thất thoát nêu trên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Bị cáo đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để giả mạo chữ ký của chủ tài khoản chiếm đoạt nhiều lần trong khoảng thời gian dài từ năm 2015 đến năm 2016 và số tiền chiếm đoạt mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bản thân của bị cáo cũng như việc bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện nộp lại số tiền 811.354.315 đồng, trong đó gồm toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt 592.577.923 đồng và tự nguyện nộp số tiền thất thoát từ quỹ đơn vị là 200.990.000 đồng, để khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại Trường THPT Nguyễn Công T; đại diện hợp pháp của bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là phụ nữ có hoàn cảnh con còn nhỏ; trong quá trình công tác hoàn thành nhiệm vụ và sinh sống tại địa phương bị cáo cũng có những đóng góp cho hoạt động từ thiện được

chính quyền địa phương tặng giấy khen, thư cảm ơn năm 2016, 2017. Mặt khác, theo quy định về xử lý người có hành vi tham nhũng tại khoản 4 Điều 92 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018: người có hành vi tham nhũng đã tự giác nộp lại tài sản tham nhũng, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng thì được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, cần xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo và đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Vì vậy khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có cân nhắc, xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và nhằm răn đe phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Về hình phạt bổ sung: căn cứ khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, phải phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với bị cáo, xét thấy hoàn cảnh gia đình của bị cáo có khó khăn, nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo. Tuy nhiên, cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm bị cáo Nguyễn Thị Tường V đảm nhiệm chức vụ kế toán trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế với thời hạn nhất định, để bị cáo không còn điều kiện tái phạm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Nguyễn Thị Tường V người đã chiếm đoạt tài sản thì bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả. Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Lâm Mỹ N là đại diện hợp pháp của bị hại Trường THPT Nguyễn Công T yêu cầu bị cáo V phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của Trường THCS Nguyễn Công T là 592.577.923 đồng. Xét thấy, yêu cầu của đại diện hợp pháp bị hại là phù hợp quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc bị cáo Nguyễn Thị Tường V phải có trách nhiệm trả lại cho Trường THPT Nguyễn Công T số tiền đã chiếm đoạt là 592.577.923đ (năm trăm chín mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm hai mươi ba đồng).

Trong giai đoạn điều tra, bị cáo V đã nộp khắc phục hậu quả tổng số tiền 811.354.315 đồng, trong đó gồm số tiền 592.577.923 đồng bị cáo đã chiếm đoạt của Trường và số tiền 200.990.000 đồng đã thất thoát quỹ đơn vị. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo xác định đồng ý tự nguyện nộp số tiền 200.990.000 đồng đã thất thoát quỹ đơn vị như ý kiến của đại diện hợp pháp bị hại. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận tự nguyện giữa bị cáo và đại diện hợp pháp bị hại không trái quy định pháp luật nên được ghi nhận: bị cáo V tự nguyện chịu trách nhiệm bồi thường số tiền 200.990.000đ (hai trăm triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng) đã thất thoát quỹ đơn vị cho Trường THPT Nguyễn Công T.

Đối với số tiền bị cáo V đã nộp khắc phục hậu quả chênh lệch nhiều hơn tổng số tiền chiếm đoạt và gây thiệt hại: 811.354.315 đồng – (592.577.923 đồng +

200.990.000 đồng) = 17.786.392đ (mười bảy triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng), đây là tiền của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

Đối với yêu cầu của đại diện hợp pháp bị hại xin được nhận số tiền 9.011.348 đồng chênh lệch kiểm kê tiền quỹ đơn vị mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thái C đã giao nộp để Trường nhập quỹ đơn vị. Tại phiên tòa, bà C cũng đồng ý tự nguyện giao trả lại số tiền 9.011.348 đồng đã nộp trong giai đoạn điều tra để khắc phục số tiền chênh lệch quỹ. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và không trái pháp luật nên được ghi nhận: Bà Nguyễn Thị Thái C tự nguyện chịu trách nhiệm bồi thường cho Trường THPT Nguyễn Công T số tiền 9.011.348 đồng chênh lệch kiểm kê tiền quỹ đơn vị. Hoàn trả lại cho bà C số tiền chênh lệch hơn đã giao nộp 9.200.000 đồng – 9.011.346 đồng = 188.654đ (một trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm năm mươi bốn đồng).

[8] Về xử lý vật chứng:

Tiếp tục quản lý số tiền 811.354.315đ (tám trăm mười một triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn, ba trăm mười lăm đồng) bị cáo V và gia đình bị cáo đã giao nộp, để đảm bảo cho việc thi hành án theo các Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 11/4/2018, ngày 18/4/2018, ngày 11/5/2018, ngày 16/8/2018, ngày 21/12/2018, ngày 24/12/2018, ngày 29/01/2019, ngày 15/02/2019, ngày 28/02/2019, ngày 20/3/2019, ngày 27/3/2019 và ngày 09/5/2019 của Kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang.

Tiếp tục quản lý số tiền 9.200.000đ (chín triệu hai trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Thái C giao nộp, để đảm bảo cho việc thi hành án theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 14/02/2019 của Kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang.

Các đồ vật thu giữ gồm:

- 01 thùng CPU máy vi tính, vỏ bằng nhựa màu đen viền màu đỏ, phía trước vỏ CPU có chữ “ZIPFDD DRIVE” đã được dán giấy niêm phong (CPU đã qua sử dụng chưa kiểm tra chất lượng); do ông Nguyễn Phước H hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Công T nộp;

- 01 máy vi tính xách tay hiệu SAMSUNG, Model NP-NC 108, vỏ máy màu đen, đã được dán giấy niêm phong (máy đã qua sử dụng chưa kiểm tra chất lượng) do bị cáo Nguyễn Thị Tường V nộp;

- 01 dây điện nguồn và 01 dây sạc điện máy vi tính.

Đây là tài sản hợp pháp của Trường THPT Nguyễn Công T và thuộc sở hữu của bị cáo V, xác định là phương tiện làm việc; đại diện hợp pháp của bị hại và bị cáo đều có yêu cầu được nhận lại tài sản nên trả lại các tài sản trên cho bị hại và bị cáo là có căn cứ, phù hợp quy định theo khoản 2, 3 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05/12/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang với Cơ quan Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

[9] Về các hành vi khác:

- Đối với ông Nguyễn Văn H với vai trò là hiệu trưởng Trường THPT Mỹ T(sau là Trường THPT Nguyễn Công T) giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 3/2016; và đối với ông Nguyễn Phước H hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Công T giai đoạn từ tháng 3/2016 đến tháng 12/2016: đã thiếu kiểm tra trong công tác quản lý tài chính, không phát hiện Nguyễn Thị Tường V giả chữ ký chủ tài khoản trên chứng từ quyết toán, giao dịch chiếm đoạt tiền trong tài khoản của Trường THPT Nguyễn Công T gây thất thoát nguồn ngân sách nhà nước là thiếu trách nhiệm. Nhưng xét thấy, gia đình của bị cáo V đã khắc phục hậu quả, bản thân ông H, ông H công tác lâu năm có nhiều đóng góp trong ngành giáo dục, được tặng nhiều bằng khen, giấy khen, chưa từng bị xử lý kỷ luật. Sau khi thanh tra, Sở giáo dục và đào tạo tỉnh An Giang đã ra Quyết định số 127/QĐ-SGDĐT ngày 01/02/2018 Về việc thi hành kỷ luật công chức vi phạm: hình thức Cảnh cáo đối với ông Nguyễn Phước H, sinh ngày 21/9/1981, Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Công T; lý do: V phạm nghiêm trọng về nguyên tắc quản lý tài chính tại đơn vị và Ủy ban kiểm tra Thành ủy Long Xuyên đã ra Quyết định số 91-QĐ/UBKTThU ngày 26/6/2018 thi hành kỷ luật đồng chí Nguyễn Phước H, Bí thư đảng ủy, Hiệu trưởng của Trường THPT Nguyễn Công T): hình thức Cảnh cáo.

Đồng thời, ông Nguyễn Văn H đã về hưu và Ủy ban kiểm tra Thành ủy Long Xuyên đã ra Quyết định số 138-QĐ/UBKT.TU ngày 27/11/2019 thi hành kỷ luật đồng chí Nguyễn Văn H, đảng viên Chi bộ 2, Đảng bộ Trường THPT Nguyễn Công T (nguyên Bí thư đảng ủy, Hiệu trưởng của Trường): hình thức Cảnh cáo.

Xét thấy hành vi của ông H và ông H chưa đến mức xử lý hình sự nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự mà chuyển xử lý hành chính và ông H, ông H đã bị xử lý kỷ luật là thỏa đáng, phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên, qua sự việc xảy ra tại Trường THPT Nguyễn Công T, đề nghị Ban giám hiệu nhà Trường cần nghiêm túc rút kinh nghiệm và có sự quan tâm, kiểm tra sâu sát, thường xuyên hoạt động tài chính của đơn vị cũng như việc tuyển dụng cán bộ đúng chuyên môn nghiệp vụ.

- Đối với bà Nguyễn Thị Thái C thực hiện không đúng nguyên tắc tài chính kế toán, quản lý tiền mặt không chặt chẽ tạo điều kiện cho V chiếm đoạt tiền của Trường THPT Nguyễn Công T và gây thất thoát nguồn quỹ của đơn vị. Tuy nhiên số tiền thiệt hại đã khắc phục, bản thân bà C chưa qua lớp đào tạo nghiệp vụ kế toán, thủ quỹ; đại diện cơ quan bị thiệt hại đề nghị xem xét không truy cứu trách nhiệm hình sự nên đã chuyển xử lý hành chính. Đồng thời, Đảng ủy THPT Nguyễn Công T đã ra Quyết định số 186-QĐ/ĐU ngày 23/11/2019 thi hành kỷ luật đồng chí Nguyễn Thị Thái C, đảng viên đang sinh hoạt tại Chi bộ 3 thuộc Đảng bộ Trường THPT Nguyễn Công T: hình thức Cảnh cáo; Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Công T đã ra Quyết định số: 333/QĐ-THPTNCT ngày 19/11/2019 Về

việc thi hành kỷ luật viên chức vi phạm: hình thức Cảnh cáo đối với bà Nguyễn Thị Thái C, nhân viên Trường THPT Nguyễn Công T, lý do: Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn nghiệp vụ gây hậu quả nghiêm trọng, là phù hợp quy định pháp luật.

- Việc bị cáo V chiếm đoạt tiền của Trường THPT Nguyễn Công T để trả nợ cho ông Nguyễn Đăng K là chồng của V; nhưng quá trình điều tra, ông K khai không biết tiền trả nợ cho ông K là tiền do V chiếm đoạt của Trường và ông K đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền V đã chiếm đoạt để khắc phục hậu quả nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông K là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

- Đối với việc Trường THPT Nguyễn Công T đã cho bà Đinh Thị Xuân T và ông Nguyễn Văn H tạm ứng tiền của đơn vị chưa được hoàn trả tạm ứng, cũng như việc Trường chưa thanh toán đủ số tiền hưởng theo chế độ nghỉ thai sản của bà T, chế độ hưu của ông H: bà N đại diện cho Trường xác định sẽ tự chịu trách nhiệm thanh toán với bà T, ông H theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét vì đây là việc tạm ứng tiền trong nội bộ của Trường.

[10] Những vấn đề khác:

Đối với các tài liệu do các cơ quan cung cấp hiện có trong hồ sơ vụ án gồm:

1. Tài liệu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh An Giang:

- 45 séc rút tiền mặt và 65 ủy nhiệm chi chuyển từ tài khoản Trường THPT Nguyễn Công T sang tài khoản của Nguyễn Thị Tường V (bản gốc) (theo biên bản cung cấp thông tin ngày 04/01/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh An Giang với cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang – có danh sách chứng từ gốc bàn giao);

- 01 bộ chữ ký mang tên Nguyễn Phước H và 02 bộ chữ ký mang tên Nguyễn Văn H (theo biên bản cung cấp thông tin ngày 09/4/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh An Giang với cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang – có danh sách chứng từ gốc bàn giao);

- 06 ủy nhiệm chi kèm theo 06 bảng danh sách lương từ tháng 03/2016 đến tháng 07/2016 (bản gốc) (theo biên bản cung cấp thông tin ngày 01/7/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh An Giang với cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang – có danh sách chứng từ gốc bàn giao).

2. Tài liệu do Kho bạc nhà nước tỉnh An Giang:

- 06 giấy đăng ký mở tài khoản và mẫu dấu chữ ký Trường THPT Nguyễn Công T (bản gốc) (theo biên bản giao nhận hồ sơ tài liệu ngày 05/4/2019 giữa Phòng KTNN – Kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang với Cơ quan điều tra Công an tỉnh An Giang);

- 08 giấy rút dự toán ngân sách và các bảng thanh toán kèm theo (bản gốc) (theo biên bản giao nhận hồ sơ tài liệu ngày 07/10/2019 giữa Phòng KTNN – Kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang với Cơ quan điều tra Công an tỉnh An Giang).

Hội đồng xét xử xét thấy đây là những tài liệu đã và đang được đóng dấu bút lục của các cơ quan tiến hành tố tụng lưu tại hồ sơ vụ án, là chứng cứ tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, có ý nghĩa quan trọng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án theo quy định của pháp luật.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo V phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do đã tự nguyện nộp khắc phục tiền bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa theo điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo, bị hại Trường THPT Nguyễn Công T do bà N đại diện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phước H, bà Đinh Thị Xuân T, bà Nguyễn Thị Thái C, ông Nguyễn Đăng K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tường V phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Tường V 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 06/5/2019 (ngày sáu, tháng năm, năm hai nghìn không trăm mười chín).

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Thị Tường V đảm nhiệm chức vụ kế toán trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Tường V phải có trách nhiệm trả cho Trường THPT Nguyễn Công T số tiền đã chiếm đoạt 592.577.923đ (năm trăm chín mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm hai mươi ba đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Thị Tường V đồng ý chịu trách nhiệm bồi thường số tiền thất thoát quỹ đơn vị 200.990.000đ (hai trăm triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng) cho Trường THPT Nguyễn Công T.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thái C đồng ý chịu trách nhiệm bồi thường số tiền 9.011.346đ (chín triệu, không trăm mười một nghìn, ba trăm bốn mươi sáu đồng) chênh lệch trong kiểm kê tiền quỹ đơn vị cho Trường THPT Nguyễn Công T.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2, 3 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Tường V: 01 máy vi tính xách tay hiệu SAMSUNG, Model NP-NC 108, vỏ máy màu đen, đã được dán giấy niêm phong (máy đã qua sử dụng chưa kiểm tra chất lượng) và 01 dây sạc điện máy vi tính;

Trả lại cho Trường THPT Nguyễn Công T: 01 thùng CPU máy vi tính, vỏ bằng nhựa màu đen viền màu đỏ, phía trước vỏ CPU có chữ “ZIPFDD DRIVE” đã được dán giấy niêm phong (CPU đã qua sử dụng chưa kiểm tra chất lượng) và 01 dây điện nguồn.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05/12/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang với Cơ quan Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Tường V số tiền 17.786.392đ (mười bảy triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng) trong số tiền 811.354.315đ (tám trăm mười một triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn, ba trăm mười lăm đồng) bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả chênh lệch hơn.

Tiếp tục quản lý số tiền 811.354.315đ (tám trăm mười một triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn, ba trăm mười lăm đồng) bị cáo Nguyễn Thị Tường V và gia đình bị cáo đã giao nộp để đảm bảo cho việc thi hành án theo các Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 11/4/2018, ngày 18/4/2018, ngày 11/5/2018, ngày 16/8/2018, ngày 21/12/2018, ngày 24/12/2018, ngày 29/01/2019, ngày 15/02/2019, ngày 28/02/2019, ngày 20/3/2019, ngày 27/3/2019 và ngày 09/5/2019 của Kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thái C số tiền 188.654đ (một trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm năm mươi bốn đồng) trong số tiền 9.200.000đ (chín triệu, hai trăm nghìn đồng) bà C đã nộp khắc phục hậu quả chênh lệch hơn.

Tiếp tục quản lý số tiền 9.200.000đ (chín triệu, hai trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Thái C giao nộp, để đảm bảo cho việc thi hành án theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 14/02/2019 của Kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Tường V phải chịu số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo, bị hại Trường THPT Nguyễn Công T do bà Lê Lâm Mỹ N đại diện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phước H, bà Đinh Thị Xuân T, bà Nguyễn Thị Thái C, ông Nguyễn Đăng K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- Văn phòng CSĐT (1);
- Phòng CSĐT (1);
- Cục THA.DS tỉnh An Giang(1);
- Trại tạm giam (1);
- Người bào chữa (2);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (5);
- Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, An Giang (thay thông báo);
- Phòng KTNVTHA (1);
- PV 06 (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu Tòa, HS.

Phạm Thị Minh Châu

